**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ II**

**BÀI 17**

Câu 1 (**NB**): Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ở Việt Nam, lực lượng quân sự nào đã tiến vào phía Bắc vĩ tuyến 16 với danh nghĩa giải giáp quân đội phát xít Nhật?

A. Liên Xô. B. Anh. C. Trung Hoa Dân Quốc. D. Pháp.

Câu 2 (**NB**): Chủ trương của Đảng và Chính phủ Việt Nam trước ngày 6/3/1946 đối với quân đội Trung Hoa Dân Quốc là

A. đối đầu quân sự trực tiếp. B. hòa hoãn, tránh xung đột. C. vừa đánh vừa đàm. D. hòa để tiến.

Câu 3 (**NB**): Chủ trương của Đảng và Chính phủ Việt Nam trước ngày 6/3/1946 đối với quân đội Pháp ở phía Nam vĩ tuyến 16 là

A. đối đầu quân sự trực tiếp. B. hòa hoãn, tránh xung đột. C. vừa đánh vừa đàm. D. hòa để tiến.

Câu 4 (**NB**): Giải pháp của Đảng và Chính phủ Việt Nam từ ngày 6/3/1946 đối với quân đội Pháp là A. đối đầu quân sự trực tiếp. B. hòa hoãn, tránh xung đột. C. vừa đánh vừa đàm. D. hòa để tiến.

Câu 5 (**NB**): Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước ta đứng trước khó khăn nào?

A. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Pốtxđam.

B. Các đảng phái trong nước đều câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.

C. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.

D. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.

Câu 6 (**NB**):Từ ngày 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện giải pháp “hòa để tiến” với quân

A. Nhật**.** B. Anh C. Pháp. D. Trung Hoa dân quốc.

Câu 7 (**NB**):Theo Tạm ước ngày 14/9/1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi trên lĩnh vực nào?

A. Kinh tế, tài chính. B. Chính trị, quân sự. C. Kinh tế, quân sự. D. Kinh tế, văn hoá.

Câu 8 (**NB**):Để khắc phục khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám, Chính phủ đã phát động nhân dân tham gia phong trào

A. "Tấc đất tấc vàng”. B. "Ngày đồng tâm". C. "Tuần lễ vàng". D. "Tăng gia sản xuất".

Câu 9 (**NB**):Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 như thế nào?

A. Bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.

B. Gặp muôn vàn khó khăn, như “ngàn cân treo ***sợi*** tóc”.

C. Được sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Đã thống nhất về lãnh thổ nhưng chưa thống nhất về mặt nhà nước.

Câu 10 (**NB**):Một trong những thuận lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi mới thành lập là

A. được Trung Quốc và Liên Xô giúp đỡ.

B. được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận.

C. nhân dân đã giành được quyền làm chủ đất nước.

D. Phát xít Nhật đã được giải giáp khỏi nước ta.

Câu 11 (**NB**):Ngày 23/9/1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây?

A. Pháp thỏa thuận với Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Pháp - Hoa.

B. Pháp đánh Nam Bộ mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

C. Pháp đánh chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ và tiến ra Bắc Bộ.

D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân Sài Gòn.

Câu 12 (**NB**): Để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám, biện pháp mang tính chất lâu dài được nhân dân ta thực hiện là

A. kêu gọi sự cứu trợ của thế giới. B. không dùng gạo, ngô để nấu rượu.

C. đẩy mạnh tăng gia sản xuất. D. quyên góp thóc gạo cứu trợ lẫn nhau.

Câu 13 (**NB**): Ngày 8/9/1945, Chủ Tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập

A. Trung đoàn thủ đô. B. Vệ quốc đoàn. C. Nha Bình dân học vụ D. Quân đội quốc gia Việt Nam.

Câu 14 (**NB**): Điều kiện quốc tế nào có tác động thuận lợi đến cách mạng nước ta sau ngày 2/9/1945?

A. Quân đồng minh chiến thắng chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản.

B. Lực lượng quân đồng minh kéo vào nước ta giải giáp phát xít Nhật.

C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển.

D. Các nước tư bản phải lo đối phó, khắc phục hậu quả chiến tranh thế giới.

Câu 15 (**NB**): Để giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám 1945, biện pháp có tính chất lâu dài được Chính phủ ta thực hiện là gì?

A. Phát hành và lưu hành tiền Việt Nam. B. Vận động nhân dân đóng góp tiền, vàng.

C. Sử dụng đồng tiền của Trung hoa dân quốc. D. Tịch thu và lảm chủ ngân hàng Đông Dương.

Câu 1 (**TH**):Trước ngày 6/3/1946, Đảng và Chính phủ ta chủ trương “tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân quốc” vì

A. muốn tập trung vào nhiệm vụ xây dựng chính quyền mới.

B. cần tập trung lực lượng để đối phó với nội phản trong nước.

C. tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

D. cần tranh thủ thời gian hòa bình để xây dựng lực lượng.

Câu 2 (**TH**): Vì sao từ ngày 6/3/1946, Đảng và Chính phủ ta chọn giải pháp "Hoà để tiến" với thực dân Pháp?

A. Phải tập trung lực lượng đánh quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Pháp được sự giúp đỡ và hậu thuẫn của quân Anh.

C. Tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

D. Trung Hoa Dân quốc và tay sai chống phá cách mạng.

Câu 3 (**TH**): Nội dung nào sau đây là biểu hiện của giải pháp “Hòa để tiến” của Đảng và Chính phủ ta với thực dân Pháp?

A. Kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946). B. Kí với Pháp Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954).

C. Giao quyền kiểm soát Nam Bộ cho Pháp. D. Chấp nhận cho Pháp nắm quyền giữ trật tự ở Hà Nội.

Câu 4 (**TH**): Cuối năm 1945, nhiều thanh niên Việt Nam hăng hái tham gia các “đoàn quân Nam tiến” vì

A. thực dân Pháp đang đánh chiếm Nam Bộ. B. phát xít Nhật đang chống phá ta ở Nam Bộ.

C. Pháp và Trung Hoa Dân quốc thỏa hiệp với nhau. D. Pháp đang tiến quân ra Bắc để đánh ta.

Câu 5 (**TH**): Vì sao sau Cách mạng tháng Tám 1945, Chính phủ ta kêu gọi nhân dân tham gia phong trào “Tuần lễ vàng”?

A. Cần có ngân sách để giải quyết nạn đói. B. Có tiền xây dựng hệ thống trường học.

C. Cần có vàng để đúc vũ khí. D. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

Câu 6 (**TH**): Từ ngày 6/3/1946, Đảng và Chính phủ ta thay đổi sách lược tạm hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc sang tạm hòa hoãn với Pháp là do

A. Quân Trung Hoa dân quốc không còn gây nguy hiểm gì đối với ta.

B. Quân Trung Hoa dân quốc và Pháp đã thỏa hiệp, kí Hiệp ước Hoa - Pháp.

C. Thực dân Pháp đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược nước ta ở Nam Bộ.

D. Pháp không phải là kẻ thù nguy hiểm của cách mạng nước ta.

Câu 7 (**TH**): Sau cách mạng tháng Tám, nước ta ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” là do

A. phải đối diện với rất nhiều khó khăn. B. phải đương đầu với giặc ngoại xâm.

C. lực lượng quân Đồng minh kéo vào. D. thế lực phản động chống phá khắp nơi.

Câu 8 (**TH**): Đâu là nhân tố quyết định đưa cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn trong thời gian đầu sau Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Tinh thần đoàn kết toàn dân. B. Sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

C. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. D. Truyền thống yêu nước của dân tộc.

Câu 9 (**TH**): Hiệp định Sơ bộ được kí kết giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp không phải là một văn bản mang tính chất pháp lí quốc tế vì

A. Pháp không công nhận nền độc lập, tự do của Việt Nam.

B. đây chỉ là văn bản kí kết giữa hai nước và Pháp có thể bội ước.

C. Pháp không công nhận Việt Nam có quân đội, tài chính riêng.

D. Hiệp định này chỉ công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

Câu 10 (**TH**): Một trong những nguyên nhân khiến cho nền tài chính nước ta trong năm đầu sau cách mạng tháng Tám 1945 gặp khó khăn là do

A. ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng. B. các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi.

C. hậu quả nạn đói chưa khắc phục được. D. hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

Câu 11 (**TH**): Cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ ta và Pháp từ ngày 6/7/1946 bị thất bại vì

A. Pháp vẫn tiếp tục gây gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ.

B. Chính phủ ta không thể nhân nhượng với Pháp được nữa.

C. Pháp không công nhận nền độc lập và thống nhất của nước ta.

D. Pháp có những hành động khiêu khích chuẩn bị chiến tranh.

Câu 12 (**TH**): Vì sao ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh lập Nha Bình dân học vụ?

A. Để giải quyết nạn dốt trong nhân dân. B. Để giải quyết nạn đói trước mắt.

C. Cải thiện đời sống của nhân dân. D. Huy động lực lượng đánh Pháp.

Câu 13 (**TH**): Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (6/1/1946) có tác dụng như thế nào đối với chính quyền cách mạng?

A. Tạo cơ sở pháp lí cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

B. Thể hiện quyền làm chủ của nhân dân Việt Nam.

C. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

D. Khơi dậy tinh thần yêu nước của nhân dân.

Câu 14 (**TH**): Tháng 11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật *không* nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Để giảm bớt sức ép công kích của kẻ thù. B. Đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết.

C. Tiếp tục lãnh đạo chính quyền cách mạng. D. Chấp nhận yêu cầu của Trung Hoa Dân quốc.

Câu 15 (**TH**): Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, sự kiện nào đã thể hiện được quyền tự quyết dân tộc của nhân dân ta?

A. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua (9/11/1946).

B. Hơn 90% cử tri cả nước đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa I (6/1/1946).

C. Quốc hội thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến (2/3/1946).

D. Nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn mít tinh mừng “Ngày Độc lập” (2/9/1945).

Câu 1 (**VD**):Hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng trong giai đoạn l945 - 1946 là

A. thực hiện nền giáo dục mới và giải quyết nạn đói, khó khăn tài chính.

B. quyết tâm kháng chiến chống Pháp xâm lược và trừng trị bọn nội phản.

C. thành lập Chính phủ chính thức của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

D. củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.

Câu 2 (**VD**): So với thời gian trước ngày 6/3/1946 thì từ ngày 6/3/1946, Sách lược của Đảng và Chính phủ ta đối với thực dân Pháp có sự khác biệt là

A. trực tiếp đánh Pháp ở Bắc Bộ. B. tiếp tục đánh Pháp không cho chúng ra Bắc.

C. nhượng bộ Pháp không điều kiện. D. hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.

Câu 3 (**VD**): Sách lược của Đảng và Chính phủ ta đối với thực dân Pháp và Trung Hoa Dân quốc trước và sau ngày 6/3/1946 đều

A. nhằm tránh đối đầu trực tiếp với quân Pháp.

B. muốn hạn chế sự giúp đỡ của quân Anh đối với Pháp.

C. nhằm tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

D. muốn đuổi quân Trung Hoa Dân quốc về nước.

Câu 4 (**VD**): Từ ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực hiện đối sách nào trước các thế lực ngoại xâm?

A. Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

B. Hòa với Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc về nước.

C. Hòa với Pháp và Trung Hoa Dân quốc để chuẩn bị lực lượng.

D. Hòa với Pháp để tập trung lực lượng đánh quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 5 (**VD**): Truyền thống nào của dân tộc Việt Nam được chứng minh qua thực tiễn cách mạng trong giai đoạn đầu sau Cách mạng tháng Tám?

A. Dựng nước đi đôi với giữ nước. B. Toàn dân đánh giặc giữ nước.

C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. D. Tôn sư trọng đạo.

Câu 6 (**VD**): Tinh thần “tương thân, tương ái” của nhân dân ta được thể hiện như thế nào trong giai đoạn 1945 – 1946?

A. Không đầu cơ tích trữ lúa gạo, không dùng gạo nấu rượu.

B. Tham gia phong trào “Tuần lễ vàng”, gây “Quỹ độc lập”.

C. Thực hiện “Ngày đồng tâm”, lập “Hủ gạo tiết kiệm”.

D. Đẩy mạnh “Tăng gia sản xuất”, không bỏ hoang ruộng đất.

Câu 7 (**VD**): Khác với cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ nhất thì cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp được mở đầu bằng trận đánh ở

A. Sài Gòn. B. Đà Nẵng. C. Huế. D. Hà Nội.

Câu 8 (**VD**): Trong cả hai lần tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858 và 1945), thực dân Pháp đều vấp phải khó khăn nào sau đây?

A. Không có sự giúp đỡ của các nước tư bản đồng minh.

B. Tinh thần chiến đấu quyết liệt của nhân dân Việt Nam.

C. Cuộc đấu tranh vì hòa bình ở các nước tư bản dâng cao.

D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới đang hình thành

Câu 9 (**VD**): Điểm giống nhau của cách mạng Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 là đều

A. thực hiện nhiện vụ chống đế quốc và phong kiến tay sai.

B. chống kẻ thù trực tiếp là đế quốc phát xít Pháp, Nhật.

C. đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. nhận được sự giúp đở của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 10 (**VD**): Hành động của Pháp ở Việt Nam trước và sau 6/3/1946 đều nhằm mục đích

A. thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta. B. tránh xung đột trực tiếp với nhân dân ta.

C. buộc ta nhân nhượng quyền lợi kinh tế. D. khôi phục lại địa vị thống trị ở nước ta.

Câu 1 (**VDC**): Nhận xét nào sau đây đúng với âm mưu chung của các thế lực phản động trong và ngoài nước đối với Việt Nam sau cách mạng thánh Tám năm 1945?

A. Bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim B. Giúp Bảo Đại khôi phục chế độ phong kiến.

C. Dọn đường cho Mĩ xâm lược. D. Chống phá chính quyền cách mạng.

Câu 2 (**VDC**): Nội dung nào đánh giá đúng về việc kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước năm 1946 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

A. Đó là sự thỏa hiệp của các lực lượng cách mạng trong nước.

B. Thể hiện sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.

C. Thể hiện sự nhân nhượng của Pháp đối với Chính phủ ta.

D. Đó là chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Chính phủ ta.

Câu 3 (**VDC**): Bài học kinh nghiệm nào được rút ra từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) cho cách mạng Việt Nam hiện nay?

A. Mềm dẻo trong chính sách đối ngoại. B. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao. D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

Câu 4 (**VDC**): Bài học cơ bản nào được rút ra từ kết quả việc giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám 1945 của Đảng?

A. Đầu tư phát triển nông nghiệp. B. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

C. Triệt để thực hành tiết kiệm. D. Xây dựng hệ thống thủy lợi.

Câu 5 (**VDC**): Chủ trương của Đảng ta đối với vấn đề thù trong giặc ngoài trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám được đánh giá là

A. cứng rắn về sách lược, mềm dẻo về nguyên tắc. B. mềm dẻo về nguyên tắc và sách lược.

C. cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược. D. vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo về nguyên tắc.

**BÀI 17. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

**(Từ sau 2/9/1945 đến trước 19/12/1946)**

**Câu 1 (NB):** Nội dung nào dưới dây **không** phải là khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Tài chính rối loạn. B. Nội phản. C. Ngoại xâm. **D.** Đạo đức suy đồi.

**Câu 2 (NB):** “Tấc đất tấc vàng!”, “Không một tấc bỏ hoang” là khẩu hiệu của phong trào

**A.** diệt giặc đói. B. cách mạng ruộng đất. C. “người cày có ruộng”. D. thực hành tiết kiệm.

**Câu 3 (NB):** Để đẩy Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với G. Xanhtơni

**A.** Hiệp định Sơ bộ. B. Tạm ước 14-9. C. Hiệp ước Hoa – Việt. D. Hiệp ước Pháp – Việt.

**Câu 4 (NB):** Để có thêm thời gian xây dựng và củng cố lực lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Mutê

A. Hiệp định Sơ bộ. **B.** Tạm ước 14-9. C. Hiệp ước Hoa – Việt. D. Hiệp ước Pháp – Việt.

**Câu 5 (NB):** Ngày 9-11-1946 đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

**A.** Thông qua Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

B. Công bố danh sách của Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

C. Đề cử ra Ban dự thảo Hiến pháp.

D. Công bố kết quả tổng tuyển cử.

**Câu 6 (NB):** Biện pháp nào dưới đây của Chính phủ đã kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau cách mạng tháng Tám 1945?

**A.** Phát động phong trào “Tuần lễ vàng”. **B.** Ký ban hành trái phiếu chính phủ.

**C.** Quyết định lưu hành tiền Việt Nam. **D.** Cấm lưu hành đồng Đông Dương.

**Câu 7 (NB):** Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập

**A.** Nha Cảnh sát. **B. C**hính phủ lâm thời. **C.** Nha Bình dân học vụ. **D.** Vệ quốc đoàn.

**Câu 8 (NB):** “Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo” là câu nói của ai?

**A.** Trường Chinh. **B.** Tôn Đức Thắng. **C.** Hồ Chí Minh. **D.** Phạm Văn Đồng.

**Câu 9 (NB):** Nội dung nào dưới dây **không** phải là khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Nạn đói. B. Giặc dốt. C. Ngoại xâm, nội phản. **D.** Mất đoàn kết dân tộc.

**Câu 10 (NB):** Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đã

**A.** tiến hành đánh chiếm một số tỉnh Nam Kỳ. **B.** chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

**C.** đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Sài Gòn. **D.** gửi tối hậu thư đòi giải tán lực lượng tự vệ.

**Câu 11 (NB):** Sự kiện lịch sử nào dưới đây của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã diễn ra vào tháng 1-1946?

**A.** Thông qua dự thảo bản Hiến pháp đầu tiên.

**B.** Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

**C.** Việt Nam và Pháp tiến hành ký Hiệp định Sơ bộ.

**D.** Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam.

**Câu 12 (NB):** Để khắc phục tình trạng khó khăn trước mắt về tài chính sau Cách mạng tháng Tám, Chính phủ đã kêu gọi nhân dân

**A.** quyên góp cho“Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”.

**B.** ủng hộquyết định cho lưu hành tiền Việt Nam.

**C.** sử dụng tiền Trung Quốc trong việc buôn bán.

**D.** tăng cường mua trái phiếu của chính phủ mới.

**Câu 13 (NB):** Đảng, Chính phủ khi kêu gọi đồng bào thực hiện “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” nhằm

**A.** hỗ trợ giải quyết khó khăn về quân sự. **B.** quyên góp tiền để xây dựng đất nước.

**C.** mua lương thực cung cấp cho quân Tưởng. **D.** giải quyết khó khăn lĩnh trong vực tài chính.

**Câu 14 (NB):** Nội dung nào dưới đây **không** được ghi trong Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

**A. T**hực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ, giữ nguyên quân đội ở tại vị trí cũ.

**B.** Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do trong khối Liên hiệp Pháp.

**C.** Tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

**D.** cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Tưởng và rút dần trong vòng 5 năm.

**Câu 15 (NB):** Lực lượng quân đội nào dưới đây đã dọn đường, tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

**A.** Đế quốc Mỹ. **B.** Phát xít Nhật. **C.** Thực dân Anh. **D.** Quân Tưởng.

**Câu 16 (TH):** Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt – Pháp (14-9-1946) là gì?

**A.** Cả hai bên tiến hành ngừng bắn ở Nam Bộ.

**B.** Nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.

**C.** Nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.

**D.** Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự trị nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

**Câu 17 (TH):** Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14 - 9-1946 nhằm

**A.** nhanh chóng loại trừ một vạn quân Anh khỏi miền Nam.

**B.** gạt 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi miền Bắc.

**C.** tỏ thiện chí của ta và kéo dài thời gian để xây dựng lực lượng.

**D.** tạo không khí hòa dịu để tiếp tục đàm phán ở Phôngtennơblô.

**Câu 18 (TH):** Nhiệm vụ cơ bản mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cần thực hiện sau Cách mạng tháng Tám là gì?

**A.** Giải quyết nạn đói. **B.** Giải quyết nạn dốt.

**C.** Khắc phục khó khăn về tài chính. **D.** Xây dựng chính quyền cách mạng.

**Câu 19 (TH):** Hiệp ước Hoa-Pháp (28-2-1946) được kí kết đã đặt Việt Nam trước thách thức nào?

**A.** Đối đầu trực tiếp với quân Trung Hoa Dân quốc.

**B.** Đối đầu trực tiếp khi Pháp đưa quân ra miền Bắc.

**C.** Cùng một lúc phải đối phó với Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

**D.** Kẻ thù cấu kết nhau nhằm chống phá chính quyền cách mạng.

**Câu 20 (TH):** Hiệp ước Hoa-Pháp (28-2-1946) được kí kết buộc Việt Nam phải lựa chọn con đường

**A.** đánh Pháp. **B.** hòa với Pháp.

**C.** đánh Trung Hoa Dân quốc. **D.** hòa với Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 21 (TH):** Đảng và Chính phủ đã chọn giải pháp “hoà để tiến” nhằm mục đích gì dưới đây?

**A.** Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

**B.** Chuẩn bị cơ sở vật chất cho xây dựng đất nước.

**C.** Đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta.

**D.** Kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.

**Câu 22 (TH):** Đảng và Chính phủ khi kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước (14-9-1946) nhằm

**A.** từng bước cô lập và tiến tới phân hoá kẻ thù.

**B.** tránh cùng lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù.

**C.** có thêm thời gian để xây dựng và củng cố lực lượng.

**D.** hạn chế Pháp và Trung Hoa Dân quốc cấu kết nhau.

**Câu 23 (TH): Đ**ể giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ chiến lược gì?

**A.** Thực hiện chính sách bình dân học vụ và giải quyết nạn đói.

**B.** Thành lập chính phủ chính thức và thông qua hiến pháp mới.

**C.** Quyết tâm kháng chiến chống Pháp xâm lược và trừng trị bọn nội phản.

**D.** Củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.

**Câu 24 (TH):** Yếu tố cơ bản nào đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn sau Cách mạng tháng Tám 1945?

**A.** Tinh thần đoàn kết toàn dân. **B.** Sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

**C.** Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. **D.** Truyền thống yêu nước của dân tộc.

**Câu 25 (TH):** Biện pháp để giải quyết căn bản nạn đói sau Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

**A.** Tiếp tục thực hiện “ngày đồng tâm”. **B.** Vận động sự trợ giúp từ bên ngoài.

**C.** Hoàn thành cuộc cách mạng ruộng đất. **D.** Đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất.

**Câu 26 (NB):** Nội dung nào dưới đây **không** được ghi trong Hiệp định sơ bộ (6-3-1946)?

**A.** Cả hai bên ngừng hẳn các hoạt động quân sự ở Nam Kỳ.

**B.** Ta nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hoá ở Việt Nam.

**C.** Ta đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Tưởng.

**D.** Pháp công nhận Việt Nam là nước tự do, nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

**Câu 27 (TH):** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng quân đội nào đại diện cho Đồng minh vào Việt Nam để giải giáp phát xít Nhật?

**A.** Anh và Mỹ. **B.** Anh và Pháp. **C.** Anh và Trung Hoa Dân quốc. **D.** Mỹ và Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 28 (TH):** Âm mưu của Trung Hoa Dân quốc đối với Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

**A.** Tìm cách đưa thực dân Pháp trở lại. **B.** Lật đổ chính quyền cách mạng nước ta.

**C.** Mở đường cho đế quốc Mỹ xâm lược. **D.** Bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim.

**Câu 29 (TH):** Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) nhằm

**A.** nhanh chóng đưa hai mươi vạn quân Tưởng về nước.

**B.** tranh thủ thời gian xây dựng và phát triển lực lượng.

**C.** tránh đụng độ với nhiều kẻ thù trong cùng một thời gian.

**D.** giành lấy thắng lợi quyết định trong hoạt động ngoại giao.

**Câu 30 (TH):** Để giải quyết trước mắt nạn đói sau Cách mạng tháng Tám, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có biện pháp gì?

**A.** Kêu gọi sự cứu trợ của các tổ chức quốc tế.

**B.** Phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hiện tiết kiệm.

**C.** Kêu gọi nhân dân “nhường cơm sẻ áo”, lập “hũ gạo cứu đói”.

**D.** Lấy gạo của người giàu chia cho dân nghèo.

**Câu 31 (VD):** Mục đích của Đảng và Chính phủ khi đề ra sách lược cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946 là gì?

**A.** Hòa với Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc.

**B.** Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc.

**C.** Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc để đánh thực dân Pháp.

**D.** Hòa hoãn với Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc để chuẩn bị lực lượng.

**Câu 32 (VD):** Khó khăn chủ yếu của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 là phải đối mắt với tình trạng

**A.** ngoại xâm và nội phản. **B.** hơn 90% dân số mù chữ.

**C.** ngân quỹ nhà nước trống rỗng. **D.** nạn đói đe doạ nghiêm trọng.

**Câu 33 (VD):** Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không đạt kết quả?

**A.** Thời gian đàm phán ngắn, ta hoàn toàn rơi thế vào bị động.

**B.** Thực dân Pháp quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

**C.** Pháp âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

**D.** Ta chưa nhận được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế.

**Câu 34 (VD):** Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thể hiện sự

**A.** nhân nhượng của lực lượng cách mạng. **B.** thoả hiệp của Pháp đối với Chính phủ ta.

**C.** thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao. **D.** đúng đắn, kịp thời của Đảng và Chính phủ.

**Câu 35 (VD):** Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946?

**A.** Nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**B.** Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

**C.** Khơi dậy tinh thần yêu nước, làm chủ đất nước của nhân dân.

**D.** Giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc và chia rẽ của kẻ thù.

**Câu 36 (VD):** Đảng và Chính phủ đã thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì

**A.** Pháp nhận được sự giúp đỡ và hậu thuẫn của thực dân Anh.

**B.** kẻ thù còn mạnh, liên tục chống phá chính quyền cách mạng.

**C.** Trung Hoa Dân quốc dùng tay sai để chống phá cách mạng.

**D.** chính quyền còn non trẻ, không thể đối phó với nhiều kẻ thù.

**Câu 37 (VD):** Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển từ hoà với Tưởng đánh Pháp sang hòa với Pháp để hất cẳng Tưởng vì Pháp

**A.** nhận được sự hậu thuẫn rất lớn từ thực dân Anh.

**B.** được bọn phản động tay sai của Tưởng giúp đỡ.

**C.** và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa-Pháp.

**D.** nhận được sự giúp đỡ của lực lượng Đồng minh.

**Câu 38 (VD):** Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 đã thể hiện

**A.** vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**B.** thiện chí hoà bình của ta trong đấu tranh ngoại giao với Pháp.

**C.** sự lúng túng của Đảng, Chính phủ trong đấu tranh ngoại giao.

**D.** sự bị động hoàn toàn của Đảng, Chính phủ trước thực dân Pháp.

**Câu 39 (VD):** Sự kiện nào dưới đây diễn ra trong năm 1946 đã đánh dấu việc đặt nền móng xây dựng chế độ mới?

**A.** Quân đội chính quy được thành lập. **B.** Bầu raHội đồng nhân dân các cấp.

**C.** Ủy ban hành chính các cấp được thành lập. **D.** Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

**Câu 40 (VDC):** Bài học kinh nghiệm nào được rút ra từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) cho Việt Nam trong quan hệ quốc tế hiện nay?

**A.** Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế. **B.** Mềm dẻo trong chính sách đối ngoại.

**C.** Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao. **D.** Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

**Câu 41 (VDC):** Bài học chủ yếu nào dưới đây được rút ra từ kết quả của Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

**A.** Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù. **B.** Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

**C.** Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao. **D.** Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

**Câu 42 (VDC):** Chủ trương nhân nhượng của Đảng (từ 9-1945 đến trước 6-3-1946) đã để lại bài học gì trong chính sách đối ngoại hiện nay của Việt Nam?

**A.** Cứng rắn trong nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

**B.** Đề cao thế hợp pháp và sức mạnh của chính quyền.

**C.** Phối hợp hoạt động đấu tranh kinh tế với chính trị.

**D.** Kết hợp hoạt động đấu tranh chính trị và ngoại giao.

**Câu 43 (VDC):** Bài học cơ bản nào cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam được rút ra từ quá trình đàm phán kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

**A.** Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. **B.** Đa phương hóa các mối quan hệ.

**C.** Kiên trì trong đấu tranh ngoại giao. **D.** Giải quyết tranh chấp bằng hòa bình.

**Câu 44 (VDC):** Bài học kinh nghiệm từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng ta vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay?

**A.** Tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế.

**B.** Kiên trì trong đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia.

**C.** Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

**D.** Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp.

**Câu 45 (VDC):** Bài học chủ yếu trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng ta vận dụng như thế nào trong kí kết Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954)?

**A.** Phân hóa và cô lập kẻ thù. **B.** Giành thắng lợi từng bước.

**C.** Không vi phạm thống nhất chủ quyền đất nước. **D.** Tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của quốc gia.

**BÀI 18: NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN**

**TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)**

**NHẬN BIẾT**

**Câu 1 (NB):** Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của quân dân ta ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã

A. giải phóng được thủ đô Hà Nội và các thành phố khác.

B. phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp ở Hà Nội.

C. tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội và các đô thị.

D. giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến.

**Câu 2 (NB):** Khi thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc vào thu - đông năm 1947, Đảng ta đã có chỉ thị

A. “Phải đánh nhanh thắng nhanh”.

B. “Phải phòng ngự trước, tiến công sau”.

C. “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”.

D. “Phải thực hiện đánh chắc, tiến chắc”.

**Câu 3 (NB):** Thực dân Phápmở cuộc tiến công lên Việt Bắc vào thu - đông năm 1947 nhằm mục đích gì?

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. B. Buộc ta phải đàm phán với Pháp.

C. Khóa chặt biên giới Việt – Trung. D. Giành thắng lợi về quân sự.

**Câu 4 (NB):** Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp?

A. Trung đoàn thủ đô. B. Việt Nam giải phóng quân.

C. Cứu quốc quân. D. Dân quân du kích.

**Câu 5 (NB):** Một trong những mục đích khi Pháp thực hiện kế hoạch Rơve là gì?

A. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với liên khu III, IV.

B. Khóa chặt biên giới Việt – Trung.

C. Củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.

D. Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.

**Câu 6 (NB):** Với việc đồng ý cho Pháp thực hiện kế hoạch Rơve, Mĩ có âm mưu gì?

A. Hỗ trợ Pháp để cùng thôn tính Đông Dương.

B. Hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.

C. Bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.

D. Can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.

**Câu 7 (NB):** Chiến thắng của ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã làm cho kế hoạch Rơve

A. bước đầu bị phá sản. B. bị phá sản hoàn toàn.

C. bộc lộ nhiều điểm yếu. D. gặp khó khăn về nhiều mặt.

**Câu 8 (NB):** Sau khi kí Hiệp định sơ bộ 6 – 3 - 1946 và Tạm ước 14 – 9 - 1946, thực dân Pháp đã

A. vi phạm những điều kí kết. B. chỉ thực hiện một số điều kí kết.

C. buộc ta nhân nhượng. D. nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản.

**Câu 9 (NB):** Sau khi phát động toàn quốc kháng chiến, Đảng và Chính phủ ta

A. tiến hành chiến tranh tổng lực đánh Pháp. B. tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

C. chuẩn bị kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh. D. đợi thời cơ phản công Pháp.

**Câu 10 (NB):** Vũ khí Quyết tử quân Hà Nội sử dụng để đón đánh xe tăng Pháp trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến là

A. súng bazooka. B. đạn bay. C. bom ba càng. D. súng SKZ.

**Câu 11 (NB):** Đêm 19 - 12 - 1946 bắt đầu diễn ra sự kiện nào sau đây?

A. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ chống thực dân Pháp.

B. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

C. Cuộc kháng chiến toàn dân chống thực dân Pháp.

D. Cuộc kháng ở miền Nam chống thực dân Pháp.

**Câu 12 (NB):** Hiệu lệnh kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ đâu?

A. Thái Bình. B. Hải Phòng. C. Hà Nội. D. Thanh Hoá.

**Câu 13 (NB):** Từ ngày 07 - 10 - 1947 đến ngày 19 - 12 - 1947 diễn ra chiến dịch nào sau đây?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông. B. Chiến dịch Biên giới thu – đông.

C. Chiến dịch Thượng Lào. D. Chiến dịch Trung Lào.

**Câu 14 (NB):** Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc trong năm 1947 là cánh quân nào?

A. Một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn.

B. Một binh đoàn lính thủy từ Hà Nội tấn công Tuyên Quang

C. Bộ binh từ Lạng Sơn đến Cao Bằng rồi vòng về Bắc Cạn.

D. Bộ binh từ Thái Nguyên đánh lên Bắc cạn.

**Câu 15 (NB):** “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!” là lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho

A. Đội cứu quốc quân. B. Trung đoàn thủ đô.

C. Việt Nam giải phóng quân. D. Vệ quốc quân.

**THÔNG HIỂU**

**Câu 16 (TH):** Nội dung nào dưới đây **không** phải là mục tiêu của ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950?

A. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. B. Giam chân địch ở vùng rừng núi.

C. Khai thông đường biên giới Việt - Trung. D. Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

**Câu 17 (TH):** Nội dung đường lối kháng chiến chốngthực dân Pháp của ta ***không*** thể hiện trong văn kiện nào?

A. Bản chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ trung ương Đảng.

B. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Chí Minh.

C. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của của giặc Pháp” của Đảng.

**Câu 18 (TH):** Vì sao Đảng và Chính phủ ta kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào tháng 12 - 1946?

A. Pháp được Mĩ tăng cường viện trợ về quân sự và kinh tế.

B.Chúng ta không thể tiếp tục nhân nhượng cho Pháp thêm nữa.

C. Đảng và Chính phủ muốn giành thắng lợi quyết định về quân sự.

D. Ta được Trung Quốc và Liên Xô viện trợ về quân sự và kinh tế.

**Câu 19 (TH):** Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nhân dân ta phải được tiến hành trên các mặt nên phải kháng chiến

A. toàn dân. B. toàn diện. C. trường kì. D. tự lực cánh sinh.

**Câu 20 (TH):** Hành động của Pháp sau hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước 14 - 9 - 1946 đã phản ánh điều gì?

A. Pháp đòi Chính phủ ta tiếp tục nhượng bộ về quân sự.

B. Pháp đòi có thêm một số quyền lợi về kinh tế.

C. Pháp quyết tâm xâm lược nước ta lần nữa.

D. Pháp muốn khẳng định thế mạnh ở Đông Dương.

**Câu 21 (TH):** Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh, nội dung thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập của dân tộc ta là

A. “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm…..”.

B. “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng”.

C. “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, ...”.

D. “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc”.

**Câu 22 (TH):** Tình thế của Pháp sau hai chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 và Biên giới thu - đông năm1950 là

A. càng có lợi thế, bao vây tăng cường hơn nữa căn cứ địa Việt Bắc.

B. càng đánh càng thua, sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

C. thua cuộc, Pháp phải đàm phán kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Pháp vẫn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

**Câu 23 (TH):** Đầu năm 1950, Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương. Điều này chứng tỏ

A. Mĩ thay thế Pháp tại chiến trường Đông Dương.

B. Mĩ chỉ muốn hỗ trợ Pháp trong chiến tranh Đông Dương.

C. nhân dân Đông Dương giờ đây chỉ tập trung đối phó với Mĩ.

D. cuộc chiến tranh Đông Dương bị chi phối bởi Chiến tranh lạnh.

**Câu 24 (TH):** Vì sao Đảng và Chính phủ ta phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược?

A. Pháp khiêu khích, gây thảm sát ở Hà Nội.

B. Chúng ta muốn hòa bình xây dựng đất nước.

C. Nền độc lập, chủ quyền nước ta bị đe dọa nghiêm trọng.

D. Pháp không thực hiện những điều khoản đã ký kết.

**Câu 25 (TH):** Đầu năm 1950, việc các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta chứng tỏ

A. nước ta muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới.

B. vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế.

C. tinh thần chống chủ nghĩa đế quốc của giai cấp vô sản.

D. sự đoàn kết trong quan hệ quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 26 (TH):** Nguyên nhân nào dẫn đến sự bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

A. Hội nghị ở Phôngtennơblô không thành công.

B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng, gây ra sự thảm sát ở Hà Nội,…

C. Pháp đã kiểm soát thủ đô Hà Nội.

D. Thực dân Pháp bội ước và có những hoạt động chống phá ta.

**Câu 27 (TH):** Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947, Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

A. Bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước.

B. Phòng ngự ở đồng bằng Bắc bộ, tấn công Nam Đông Dương.

C. Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

D. Tập trung quân Âu Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai.

**Câu 28 (TH):** Trong những năm 1947 - 1948, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?

A. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm.

C. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

D. Rút vào hoạt động bí mật, phát động chiến tranh du kích.

**Câu 29 (TH):** Hành động trắng trợn nhất thể hiện dã tâm xâm lược nước ta lần thứ hai của thực dân Pháp là

A. tập trung tấn công các trụ sở của Đảng ở Nam bộ.

B. đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn thuộc Bắc Bộ.

C. gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta hạ vũ khí đầu hàng.

D. liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.

**Câu 30 (TH):** Mục đích cuộc chiến đấu của quân dân ta trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) là gì?

A. Để vây hãm địch, đảm bảo cho việc chuyển quân của ta.

B. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.

C. Ta chủ động tiến công, bao vây, giam chân tiêu diệt địch.

D. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch để quân ta rút lui an toàn.

**Câu 31 (TH):** Ta mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 nhằm mục đích gì?

A. Tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch trên đường số 4.

B. Khai thông biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc.

C. Phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp.

D. Đánh tan quân Pháp ở Việt Bắc, kết thúc chiến tranh xâm lược.

**VẬN DỤNG**

**Câu 32 (VD):** Sự kiện trực tiếp nào đưa đến quyết định toàn quốc kháng chiến của Đảng và chính phủ ta trong năm 1946?

A. Hội nghị Phôngtennơblô thất bại.

B. Pháp chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.

C. Pháp tấn công Nam Bộ và Nam Trung bộ.

D. Pháp gởi tối hậu thư buộc ta giao quyền soát thủ đô cho Pháp.

**Câu 33 (VD):** Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), chiến thắng làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp là chiến thắng trong

A. chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947. B. chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950.

C. chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954. D. chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 34 (VD):**  Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 đã có tác động như thế nào đối với cục diện chiến trường?

A. Quân đội ta chuyển sang giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.

B. Tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán giành thắng lợi.

C. Làm xoay chuyển cụ diện chiến tranh, quân Pháp chuyển sang thế bị động.

D. Buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.

**Câu 35 (VD):** Chiến thắng Biên giới thu - đông năm 1950 có tác động như thế nào đối với cục diện chiến trường?

A. Gây tâm lý hoang mang cho quân đội Pháp.

B. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu xâm lược Việt Nam của Pháp.

C. Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

D. Quân đội ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

**Câu 36 (VD):** Trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, trận đánh nào có ý‎ nghĩa then chốt, quyết định?

A. Trận đánh ở Đông Khê. B. Trận đánh ở Thất Khê.

C. Trận đánh ở Thái Nguyên. D. Trận phục kích địch trên đường số 4.

**Câu 37 (VD):** Chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) là chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954. B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 38 (VD):** Điểm mới của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 so với chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 là gì?

A. Bộ đội ta chủ động tấn công Pháp. B. Pháp chủ động đánh ta.

C. Pháp bị thất bại. D. Ta bị thất bại.

**Câu 39 (VD):** Chiến dịch nào dưới đây thể hiện phương châm tác chiến “đánh điểm diệt viện” của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình. D. Chiến dịch Tây Bắc.

**Câu 40 (VD):** Ý nào ***không*** phản ánh đúng điểm chung trong các kế hoạch Rơve (1949), Đờ lát đơ tátxinhi (1950) Nava (1953) của thực dân Pháp?

A. Đề ra trong thế bị sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp.

B. Nhằm mục đích nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

C. Phô trương thanh thế cho chính quyền tay sai.

D. Có sự đồng ý và viện trợ của Mĩ.

**VẬN DỤNG CAO**

**Câu 41 (VDC):** Nhận định nào sau đây đúng khi nói về lí do quân đội ta chọn đánh Đông Khê để mở màn chiến dịch Biên giới 1950?

A. Để cắt đứt hệ thống phòng thủ của Pháp.

B. Vì quân Pháp không có sự đề phòng ở Đông Khê.

C. Vì Đông Khê là vị trí không quan trọng đối với Pháp.

D. Vì Đông Khê là nơi tập trung quân đông nhất của Pháp.

**Câu 42 (VDC):** Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng (12-1946) đã phát huy đường lối đấu tranh nào sau đây của dân tộc ta?

A. Chiến tranh nhân dân. B. Chiến tranh tâm lí.

C. Chiến tranh du kích. D. Chiến tranh chớp nhoáng.

**Câu 43 (VDC):** Yếu tố nào sau đây ***không*** phản ánh bước phát triển của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 so với chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947?

A. Ta chủ động mở chiến dịch.

B. Phương thức tác chiến đa dạng.

C. Ta buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài.

D. Ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.

**Câu 44 (VDC):** Cuộc chiến đấu của quân dân ta trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1954) có ý nghĩa gì?

A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta.

B. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

C. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới.

D. Tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài.

**Câu 45 (VDC):** Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), chiến thắng nào là mốc khởi đầu làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho quân đội ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc 1947. B. Chiến dịch Biên Giới 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**BÀI 19 LỊCH SỬ LỚP 12**

**BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953)**

**I. NHẬN BIẾT**

**(NB**) **Câu 1**: Ý nào dưới đây thuộc nội dung trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

A. Xây dựng thêm hệ thống đồn bốt ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

B. Thiết lập “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

C. Thiết lập hệ thống giao thông hào ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

D. Tăng cường lực lượng quân viễn chinh ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

**(NB**) **Câu 2** : Tháng 9-1951, Mĩ và chính phủ Bảo Đại đã kí kết

A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ. B. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

C. Hiệp ước tương trợ Việt-Mĩ. D. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.

**(NB**) **Câu 3**: Tháng 2-1951, tại Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.

B. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

C. Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân Việt-Minh-Lào.

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương.

**(NB**) **Câu 4:** Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mĩ và Pháp vào tháng 12-1950?

A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Mĩ-Pháp. B. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.

C. Hiệp ước tương trợ Mĩ-Pháp. D. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương .

**(NB**) **Câu 5**: Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) đã quyết định đổi tên Đảng thành

A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Đảng Lao động Đông Dương.

**(NB**) **Câu 6:** Kế hoạch quân sự nào sau đây đã được thực dân Pháp thực hiện vào cuối năm 1950 ở Đông Dương?

A. Kế hoạch Nava. B. Kế hoạch đờ Lát đơ tátxinhi. C. Kế hoạch Rơve. D. Kế hoạch Bôlae.

**(NB**) **Câu 7:** Đại hội nào dưới đây được xem là “Đại hội kháng chiến thắng lợi” ?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935).

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951).

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960).

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976).

**(NB) Câu 8:** Đại hội nào dưới đây đã quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác-Lênin riêng?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935)

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951)

C. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III (9-1960)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976)

**(NB**) **Câu 9**: Mặt trận Liên Việt được ra đời trên cơ sở hợp nhất của những tổ chức nào?

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Liên Việt.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương và Hội Liên Việt.

C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Việt Minh.

D. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

**(NB) Câu 10:**Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt ( boongke ), bình định vùng tạm chiếm và vơ vét sức người, sức của; đánh phá hậu phương kháng chiến của ta là nội dung của kế hoạch

A. Rơ ve. B. Đờ Lát đơ tátxinhi. C. Na Va. D. Bô la éc.

**(NB) Câu 11 :** Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng diễn ra

A. 2/1951, tại Hà Nội. B. 3/1951, tại Cao Bằng – Pác Pó.

C. 2/1951, tại Chiêm Hóa – Tuyên Quang. D. 3/1951, tại Chiêm Hóa – Tuyên Quang.

**(NB) Câu 12:** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951), người được bầu giữ chức Tổng Bí Thư của Đảng là

A. Lê Duẩn. B. Trường Chinh. C. Phạm Văn Đồng. D. Hồ Chí Minh.

**(NB)** **Câu 13 :** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951), người được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng là

A. Lê Duẩn. B. Hồ Chí Minh. C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

***(NB)* Câu 14:**Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào thành lập (3/1951) nhằm

A. tăng cường phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

B. tăng cường phát triển kinh tế của ba nước Đông Dương.

C. tăng cường giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

D. tăng cường khối đoàn kết của ba nước Đông Dương.

**(NB) Câu 15 : Ngày 11/3/1951 Hội nghị đại biểu của nhân dân ba nước Đông Dương đã thành lập tổ chức nào?**

**A.** Liên minh Việt - Miên - Lào. B. Mặt trận Việt - Miên - Lào.

C. Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào. D. Mặt trận thống nhất Việt-Miên-Lào.

**II. THÔNG HIỂU.**

(**TH**) **Câu 1:** Mục đích chủ yếu của việc tập trung quân Âu-Phi trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) nhằm

A. bình định các vùng tạm chiếm của Pháp. B. tiến hành chiến tranh toàn diện, tổng lực.

C. xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh. D. càn quét vào các căn cứ địa của quân dân ta.

(**TH**) **Câu 2**: Việc phát triển nguỵ quân trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) nhằm

A. xây dựng quân đội quốc gia mạnh. B. giúp cho nguỵ quyền lớn mạnh.

C. tăng cường lực lượng cho Pháp. D. đánh phá vùng nông thôn của ta.

(**TH**) **Câu 3**: Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương nhằm mục đích gì?

A. viện trợ quân sự, kinh tế-tài chính, từng bước thay chân Pháp.

B. viện trợ kinh tế-tài chính, từng bước thay chân Pháp.

C. giúp Pháp giành thế chủ động trên chiến trường.

D. giúp Pháp kéo dài chiến tranh ở Đông Dương.

(**TH**) **Câu 4** : Tháng 9- 1951, Mĩ ký với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ nhằm mục đích gì?

A. Hạn chế sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

B. Trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

C. Giúp cho nền kinh tế của chính phủ Bảo Đại phát triển.

D. Phá hoại các cở sở kháng chiến của nhân dân ta.

**(TH)** **Câu 5:** Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi nhằm:

**A**. nhanh chóng kết thúc chiến tranh. **B**. củng cố và phát triển lực lượng ngụy quân.

**C**. tăng cường tiềm lực của Pháp ở Đông Dương. **D**. giành quyền chủ động trên chiến trường ĐD.

**(TH)** **Câu 6:** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Viện trợ của Mĩ. B. Kinh tế Pháp phát triển.

C. Sự lớn mạnh của nguỵ quân. D. Kinh nghiệm chỉ huy của Tatxinhi.

**(TH)** **Câu 7**: Mục tiêu nào dưới đây là cơ bản nhất trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

A. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.

B. Mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.

C. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

D. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.

**(TH)** **Câu 8**: Một trong những nội dung của kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

A. Xây dựng thêm hệ thống đồn bốt ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

B. Thiết lập “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

C. Thiết lập hệ thống giao thông hào ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

D. Tăng cường lực lượng quân viễn chinh ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

**(TH)** **câu 9**. Sự kiện nào mở đầu Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương?

A. 12/1950, Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

B. 5/1950, Pháp thông qua kế hoạch Rơ-ve với sự đồng ý của Mĩ.

C. 2/1950, Mĩ chính thức công nhận chính phủ Bảo Đại do Pháp lập nên.

D. 9/1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mĩ*.

**(TH) Câu 10**.Kế hoạch Đờ Lát đơ tátxinhi cuả Pháp có Mĩ giúp sức đã

A. gây khó khăn cho nhân dân ta ở vùng đô thị do Pháp kiểm soát.

B. gây khó khăn cho nhân dân ta ở vùng rừng núi tự do.

C.đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp lên quy mô lớn và gây khó khăn cho ta ở vùng sau lưng địch*.*

D. chứng tỏ quân Pháp đang bị suy yếu mạnh và không gây khó khăn cho cuộc kháng chiến của ta.

**(TH) Câu 11:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II(2/1951) đã quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một đảng riêng vì ?

A. Tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng

B. Phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.

C. Phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng.

D. Muốn nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

**(TH) Câu 12:** Ý nghĩa nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951)?

A. Đánh dấu bước phát triển mới, bước trưởng thành của Đảng ta.

B. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với kháng chiến.

C. Đảng ta tích lũy được kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.

D. Có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**(TH) Câu 13:** **Mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo, bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”. Đó là ý nghĩa của**

A. Hội nghị thành lập Đảng (2/1930). B. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10/1930).

C. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935). D. Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951).

**(TH) Câu 14:** Mục tiêu cốt lõi của công cuộc cải cách giáo dục năm 1950 là gì?

A. Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.

B. Đẩy lùi nạn thất học, mù chữ trong nhân dân.

C. Phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

D. Thực hiện khẩu hiệu “Kháng chiến văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

**(TH) Câu 15:**  Liên minh nhân dân Việt- Miên – Lào thành lập (1951) nhằm đấu tranh chống

A. Pháp và tay sai. B. Pháp và sự can thiệp của Mĩ.

C. Pháp – Nhật. D. Pháp và phong kiến tay sai.

**III. VẬN DỤNG**

**(VD) Câu 1.** Trong kế hoạch hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950), Pháp chủ trương thiết lập vành đai trắng bao quanh Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ nhằm mục đích gì?

A.Vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh. B. Tăng cường kiểm soát nhân dân ta.

C. Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc. D. Ngăn chặn quân chủ lực của ta.

**(VD) Câu 2: Lý do nào sau đây không đúng khi Đảng và chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất (1953)?**

A. Xoá bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân.

B. Thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”.

C. Nông dân phấn khởi, ủng hộ cụôc kháng chiến.

D. Vì giai cấp địa chủ là trở lực cho cuộc kháng chiến.

**(VD) Câu 3**.Đại hội lần thứ II của Đảng chứng tỏ điều gì?

A. Đảng ta ngày càng được tôi luyện và trưởng thành.

B. Niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng được nâng cao.

C. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được củng cố.

D. Đảng ta được phục hồi và phát triển.

**(VD) Câu 4.** So với giai đoạn 1946 -1950, điểm mới trong xác định kẻ thù của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951 – 1953 là gì?

A. Chống Pháp và phong kiến. B. Chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

C. Chống Pháp và tay sai. D. Chống thực dân Pháp và các đảng phái phản động.

**(VD) Câu 5:** Quyết định quan trọng đối với cách mạng ba nước Đông Dương của Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 2-1951 là gì?

A. Chuẩn bị kế hoạch cho các hoạt động quân sự phối hợp lực lượng ba nước.

B. Tăng cường hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

C. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một Đảng Mác-Lênin riêng.

D. Cả ba nước cần phải tranh thủ tối đa sự giúp đỡ nước ngoài.

**(VD) Câu 6:** Kế hoạch Rơ ve năm 1949 và kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) có chung mục đích là gì?

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. B. Thể hiện sức mạnh quân sự của Pháp.

C. Muốn xoay chuyển cuộc chiến tranh. D. Bảo vệ chính quyền tay sai do Pháp lập ra.

**(VD) Câu 7.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 có điểm gì **khác** so với kế hoạch Rơve năm 1949?

A. Tập trung bao vây căn cứ địa Việt Bắc.

B. Chuẩn bị tấn công Việt Bắc với quy mô lớn.

C. Tập trung lực lượng mạnh ở biên giới Việt – Trung.

D. Tập trung kiểm soát Trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

**(VD) Câu 8:** Nội dung nào thể hiện rõ sự can thiệp của Mĩ vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương(1951-1953)?

A. Các đội quân viễn chinh Mĩ bắt đầu đến Việt Nam.

B. Số lượng các công ty Mĩ đến Việt Nam dầu tư tăng.

C. Chính phủ Mĩ viện trợ quân sự cho chính quyền Bảo Đại.

D. Các phái đoàn cố vấn quân sự Mĩ đến Việt Nam ngày càng nhiều.

**(VD) Câu 9.** Mĩ đã có hành động gì trước tình thế sa lầy của Pháp ở Đông Dương (1951-1953)?

A. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.

B. Từng bước can thiệp sâu vào Đông Dương.

C. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

D. Cấu kết với các thế lực phản động từng bước can thiệp vào Đông Dương.

**Câu 10.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 so với kế hoạch Rơve năm 1949 có điểm khác nhau cơ bản là

A**.** Thực hiện trong thế bị động.

B. Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương.

C. Pháp đang giành thế chủ động trên chiến trường.

D. Nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh Đông Dương.

**IV. VẬN DỤNG CAO**

**(VDC) Câu 1.** Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định đưa Đảng ra hoạt công khai với tên mới nhằm

A. đưa cách mạng về từng nước Đông Dương.

B. Khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

C. Tiếp tục sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

D. Đẩy mạnh tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**(VDC) Câu 2.** Thông Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (5/1952), em có nhận thức gì về vai trò chủ yếu của học sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Ra sức học tập, rèn luyện sức khỏe.

B. Tham gia các công tác xã hội.

C. Tham gia tốt các phong trào của lớp đề ra.

D. Quan tâm giúp đỡ người nghèo, gia đình neo đơn.

**(VDC) Câu 3.**Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3 – 1951), Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công tác xây dựng mặt trận hiện nay?

A. Đoàn kết các dân tộc. B. Đoàn kết các tôn giáo.

C. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc. D. Xây dựng khối liên minh công - nông.

**(VDC) Câu 4.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 thực chất

A. Là thể hiện bước lùi về chiến lược của Pháp.

B. Thể hiện sức mạnh của quân đội viễn chinh Pháp.

C. Chứng tỏ chiến lược quân sự quy mô của thực dân Pháp.

D. Đánh dấu sự cấu kết của Pháp vào Mĩ để thống trị Đông Dương.

**(VCD) Câu 5.** Từ thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2 – 1951), bài học cơ bản nào Việt Nam có thể rút ra để giải quyết vấn đề biển đảo Việt Nam hiện nay?

A. Tăng cường sự đoàn kết quốc tế. B. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

C. Tăng cường khối đoàn kết dân tộc. D. Tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng.

**BÀI 19 LỊCH SỬ LỚP 12**

**BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953)**

**I.NHẬN BIẾT**

**(NB**) **Câu 1**: Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) đã quyết định đổi tên Đảng thành

A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Đảng Lao động Đông Dương.

**(NB**) **Câu 2** : Tháng 9-1951, Mĩ và chính phủ Bảo Đại đã kí kết

A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ. B. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

C. Hiệp ước tương trợ Việt-Mĩ. D. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.

**(NB**) **Câu 3**: Đại hội nào dưới đây được xem là “Đại hội kháng chiến thắng lợi” ?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935). B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951).

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960).D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976).

**(NB**) **Câu 4:** Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mĩ và Pháp vào tháng 12-1950?

A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Mĩ-Pháp. B. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.

C. Hiệp ước tương trợ Mĩ-Pháp. D. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương .

**(NB**) **Câu 5**: Ý nào dưới đây thuộc nội dung trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

A. Xây dựng thêm hệ thống đồn bốt ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

B. Thiết lập “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

C. Thiết lập hệ thống giao thông hào ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

D. Tăng cường lực lượng quân viễn chinh ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

**(NB**) **Câu 6:** Mặt trận Liên Việt được ra đời trên cơ sở hợp nhất của những tổ chức nào?

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Liên Việt. B. Mặt trận Dân chủ ĐD và Hội Liên Việt.

C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Việt Minh. D. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

**(NB**) **Câu 7:** Tháng 2-1951, tại Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.

B. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

C. Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân Việt-Minh-Lào.

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương.

**(NB) Câu 8:** Đại hội nào dưới đây đã quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác-Lênin riêng?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935) B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951)

C. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III (9-1960) D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976)

**(NB**) **Câu 9**: Kế hoạch quân sự nào sau đây đã được thực dân Pháp thực hiện vào cuối năm 1950 ở Đông Dương?

A. Kế hoạch Nava. B. Kế hoạch đờ Lát đơ tátxinhi. C. Kế hoạch Rơve. D. Kế hoạch Bôlae.

**(NB) Câu 10:**Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951), người được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng l à

A. Lê Duẩn. B. Hồ Chí Minh. C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

**(NB) Câu 11 :** Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt ( boongke ), bình định vùng tạm chiếm và vơ vét sức người, sức của; đánh phá hậu phương kháng chiến của ta là nội dung của kế hoạch

A. Rơ ve. B. Đờ Lát đơ tátxinhi. C. Na Va. D. Bô la éc.

**(NB) Câu 12:** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951), người được bầu giữ chức Tổng Bí Thư của Đảng là

A. Lê Duẩn. B. Trường Chinh. C. Phạm Văn Đồng. D. Hồ Chí Minh.

**(NB)** **Câu 13 :** Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng diễn ra

A. 2/1951, tại Hà Nội. B. 3/1951, tại Cao Bằng – Pác Pó.

C. 2/1951, tại Chiêm Hóa – Tuyên Quang. D. 3/1951, tại Chiêm Hóa – Tuyên Quang.

***(NB)* Câu 14:**Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào thành lập (3/1951) nhằm

A. tăng cường phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

B. tăng cường phát triển kinh tế của ba nước Đông Dương.

C. tăng cường giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

D. tăng cường khối đoàn kết của ba nước Đông Dương.

**(NB) Câu 15 : Ngày 11/3/1951 Hội nghị đại biểu của nhân dân ba nước Đông Dương đã thành lập tổ chức nào?**

A.Liên minh Việt - Miên - Lào. B. Mặt trận Việt - Miên - Lào.

C. Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào. D. Mặt trận thống nhất Việt-Miên-Lào.

**II. THÔNG HIỂU.**

(**TH**) **Câu 1:** Liên minh nhân dân Việt- Miên – Lào thành lập (1951) nhằm đấu tranh chống

A. Pháp và tay sai. B. Pháp và sự can thiệp của Mĩ.

C. Pháp – Nhật. D. Pháp và phong kiến tay sai.

(**TH**) **Câu 2**: Kế hoạch Đờ Lát đơ tátxinhi cuả Pháp có Mĩ giúp sức đã

A. gây khó khăn cho nhân dân ta ở vùng đô thị do Pháp kiểm soát.

B. gây khó khăn cho nhân dân ta ở vùng rừng núi tự do.

C*.* đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp lên quy mô lớn và gây khó khăn cho ta ở vùng sau lưng địch*.*

D. chứng tỏ quân Pháp đang bị suy yếu mạnh và không gây khó khăn cho cuộc kháng chiến của ta.

(**TH**) **Câu 3**: Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương nhằm mục đích gì?

A. viện trợ quân sự, kinh tế-tài chính, từng bước thay chân Pháp.

B. viện trợ kinh tế-tài chính, từng bước thay chân Pháp.

C. giúp Pháp giành thế chủ động trên chiến trường.

D. giúp Pháp kéo dài chiến tranh ở Đông Dương.

(**TH**) **Câu 4** : Một trong những nội dung của kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

A. Xây dựng thêm hệ thống đồn bốt ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

B. Thiết lập “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

C. Thiết lập hệ thống giao thông hào ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

D. Tăng cường lực lượng quân viễn chinh ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

**(TH)** **Câu 5:** Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi nhằm:

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**B**. củng cố và phát triển lực lượng ngụy quân.

**C**. tăng cường tiềm lực của Pháp ở Đông Dương.

**D**. giành quyền chủ động trên chiến trường Đông Dương.

**(TH)** **Câu 6:** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Viện trợ của Mĩ. B. Kinh tế Pháp phát triển.

C. Sự lớn mạnh của nguỵ quân. D. Kinh nghiệm chỉ huy của Tatxinhi.

**(TH)** **Câu 7**: Mục tiêu nào dưới đây là cơ bản nhất trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

A. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.

B. Mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.

C. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

D. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.

**(TH)** **Câu 8**: Tháng 9- 1951, Mĩ ký với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ nhằm mục đích gì?

A. Hạn chế sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

B. Trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

C. Giúp cho nền kinh tế của chính phủ Bảo Đại phát triển.

D. Phá hoại các cở sở kháng chiến của nhân dân ta.

**(TH)** **câu 9**. Sự kiện nào mở đầu Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương?

A. 12/1950, Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

B. 5/1950, Pháp thông qua kế hoạch Rơ-ve với sự đồng ý của Mĩ.

C. 2/1950, Mĩ chính thức công nhận chính phủ Bảo Đại do Pháp lập nên.

D. 9/1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mĩ*.

**(TH) Câu 10**.Việc phát triển nguỵ quân trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) nhằm

A. xây dựng quân đội quốc gia mạnh. B. giúp cho nguỵ quyền lớn mạnh.

C. tăng cường lực lượng cho Pháp. D. đánh phá vùng nông thôn của ta.

**(TH) Câu 11:** Mục tiêu cốt lõi của công cuộc cải cách giáo dục năm 1950 là gì?

A. Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.

B. Đẩy lùi nạn thất học, mù chữ trong nhân dân.

C. Phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

D. Thực hiện khẩu hiệu “Kháng chiến văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

**(TH) Câu 12:** Ý nghĩa nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951)?

A. Đánh dấu bước phát triển mới, bước trưởng thành của Đảng ta.

B. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với kháng chiến.

C. Đảng ta tích lũy được kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.

D. Có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**(TH) Câu 13: Mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo, bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”. Đó là ý nghĩa của**

A. Hội nghị thành lập Đảng (2/1930). B. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10/1930).

C. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935). D. Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951).

**(TH) Câu 14:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II(2/1951) đã quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một đảng riêng vì ?

A. Tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng

B. Phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.

C. Phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng.

D. Muốn nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

**(TH) Câu 15:**  Mục đích chủ yếu của việc tập trung quân Âu-Phi trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) nhằm

A. bình định các vùng tạm chiếm của Pháp. B. tiến hành chiến tranh toàn diện, tổng lực.

C. xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh. D. càn quét vào các căn cứ địa của quân dân ta.

**III. VẬN DỤNG**

**(VD) Câu 1.** Mĩ đã có hành động gì trước tình thế sa lầy của Pháp ở Đông Dương (1951-1953)?

A. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.

B. Từng bước can thiệp sâu vào Đông Dương.

C. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

D. Cấu kết với các thế lực phản động từng bước can thiệp vào Đông Dương.

**(VD) Câu 2:** Nội dung nào thể hiện rõ sự can thiệp của Mĩ vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương(1951-1953)?

A. Các đội quân viễn chinh Mĩ bắt đầu đến Việt Nam.

B. Số lượng các công ty Mĩ đến Việt Nam dầu tư tăng.

C. Chính phủ Mĩ viện trợ quân sự cho chính quyền Bảo Đại.

D. Các phái đoàn cố vấn quân sự Mĩ đến Việt Nam ngày càng nhiều.

**(VD) Câu 3**.Đại hội lần thứ II của Đảng chứng tỏ điều gì?

A. Đảng ta ngày càng được tôi luyện và trưởng thành.

B. Niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng được nâng cao.

C. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được củng cố.

D. Đảng ta được phục hồi và phát triển.

**(VD) Câu 4.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 so với kế hoạch Rơve năm 1949 có điểm khác nhau cơ bản là

A.Thực hiện trong thế bị động.

B. Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương.

C. Pháp đang giành thế chủ động trên chiến trường.

D. Nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh Đông Dương.

**(VD) Câu 5.** Quyết định quan trọng đối với cách mạng ba nước Đông Dương của Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 2-1951 là gì?

A. Chuẩn bị kế hoạch cho các hoạt động quân sự phối hợp lực lượng ba nước.

B. Tăng cường hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

C. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một Đảng Mác-Lênin riêng.

D. Cả ba nước cần phải tranh thủ tối đa sự giúp đỡ nước ngoài.

**(VD) Câu 6.** Kế hoạch Rơ ve năm 1949 và kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) có chung mục đích là gì?

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. B. Thể hiện sức mạnh quân sự của Pháp.

C. Muốn xoay chuyển cuộc chiến tranh. D. Bảo vệ chính quyền tay sai do Pháp lập ra.

**(VD) Câu 7.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 có điểm gì **khác** so với kế hoạch Rơve năm 1949?

A. Tập trung bao vây căn cứ địa Việt Bắc.

B. Chuẩn bị tấn công Việt Bắc với quy mô lớn.

C. Tập trung lực lượng mạnh ở biên giới Việt – Trung.

D. Tập trung kiểm soát Trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

**(VD) Câu 8: Lý do nào sau đây không đúng khi Đảng và chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất (1953)?**

A. Xoá bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân.

B. Thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”.

C. Nông dân phấn khởi, ủng hộ cụôc kháng chiến.

D. Vì giai cấp địa chủ là trở lực cho cuộc kháng chiến.

**(VD) Câu 9.** Trong kế hoạch hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950), Pháp chủ trương thiết lập vành đai trắng bao quanh Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ nhằm mục đích gì?

A.Vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh. B. Tăng cường kiểm soát nhân dân ta.

C. Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc. D. Ngăn chặn quân chủ lực của ta.

**Câu 10.** So với giai đoạn 1946 -1950, điểm mới trong xác định kẻ thù của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951 – 1953 là gì?

A. Chống Pháp và phong kiến. B. Chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

C. Chống Pháp và tay sai. D. Chống thực dân Pháp và các đảng phái phản động.

**IV. VẬN DỤNG CAO**

**(VDC) Câu 1.** Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3 – 1951), Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công tác xây dựng mặt trận hiện nay?

A. Đoàn kết các dân tộc. B. Đoàn kết các tôn giáo.

C. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc. D. Xây dựng khối liên minh công - nông.

**(VDC) Câu 2.** Từ thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2 – 1951), bài học cơ bản nào Việt Nam có thể rút ra để giải quyết vấn đề biển đảo Việt Nam hiện nay?

A. Tăng cường sự đoàn kết quốc tế. B. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

C. Tăng cường khối đoàn kết dân tộc. D. Tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng.

**(VDC) Câu 3.** Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định đưa Đảng ra hoạt công khai với tên mới nhằm

A. đưa cách mạng về từng nước Đông Dương.

B. Khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

C. Tiếp tục sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

D. Đẩy mạnh tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**(VDC) Câu 4.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 thực chất

A. Là thể hiện bước lùi về chiến lược của Pháp.

B. Thể hiện sức mạnh của quân đội viễn chinh Pháp.

C. Chứng tỏ chiến lược quân sự quy mô của thực dân Pháp.

D. Đánh dấu sự cấu kết của Pháp vào Mĩ để thống trị Đông Dương.

**(VCD) Câu 5.** Thông Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (5/1952), em có nhận thức gì về vai trò chủ yếu của học sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Ra sức học tập, rèn luyện sức khỏe.

B. Tham gia các công tác xã hội.

C. Tham gia tốt các phong trào của lớp đề ra.

D. Quan tâm giúp đỡ người nghèo, gia đình neo đơn.

**BÀI 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC**

**CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)**

**NHẬN BIẾT**

**Câu 1 (NB):** Bước vào Đông Xuân 1953 – 1954, âm mưu mới của Pháp – Mĩ là

A. giành thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

**Câu 2 (NB):** Từ thu – đông 1953, Nava tập trung quân chủ yếu ở khu vực nào?

A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Tây Bắc. C. Thượng Lào. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 3 **(NB):** **Tình hình thực dân Pháp sau 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam như thế nào?**

A. Gặp những khó khăn về tài chính. B. Vùng chiếm đóng ngày càng bị thu hẹp.

C. Thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động. D. Hành lang Đông – Tây bị chọc thủng.

Câu 4 **(NB): Nội dung chủ yếu trong bước thứ nhất của kế hoạch Nava là gì?**

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

B. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

**Câu 5 (NB):** Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông ***-*** Xuân 1953 ***-*** 1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng, kết thúc chiến tranh trong danh dự.

B.Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán, kết thúc chiến tranh.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự, buộc Pháp phải đàm phán kết thúc chiến tranh.

**Câu 6 (NB):** Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang Đông Dương giữ chức vụ gì?

A. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. B. Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

C. Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. D. Toàn quyền Pháp ở Đông Dương.

**Câu 7 (NB):** Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm

A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.

C. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.

D. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Trung Lào.

**Câu 8 (NB):** Theo nội dung của Hiệp định Giơnevơ thì đâu là nội dung được ghi nhận đối với Campuchia?

A. Campuchia chỉ giải phóng được một nửa đất nước. B. Campuchia giải phóng toàn vẹn lãnh thổ.

C. Campuchia giải phóng được hai tỉnh. D. Campuchia không có vùng giải phóng.

**Câu 9 (NB):** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của nhân dân Việt Nam kết thúc và thắng lợi hoàn toàn bằng sự kiện nào?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến dịch Biên giới Thu – Đông năm 1950.

C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (21 - 7 - 1954).

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

**Câu 10 (NB):** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận

A. quyền tự do của ba nước Đông Dương. B. quyền độc lập của ba nước Đông Dương.

C. độc lập, chủ quyền của ba nước Đông Dương. D. quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 11 (NB):** Thắng lợi nào đã chuẩn bị trực tiếp về vật chất và tinh thần để ta mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ (1954)?

A. Chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954. B. Chiến dịch tiến công Trung Lào 12 – 1953.

C. Chiến dịch Thượng Lào 1 – 1954. D. Chiến dịch tiến công thị xã Lai Châu 12 – 1953.

**Câu 12 (NB):** “Pháo đài bất khả xâm phạm” là niềm tự hào của Pháp - Mĩ khi nói về

A. trung tâm lòng chảo Mường Thanh. B. cụm cứ điểm Luông Phabăng và Xênô.

C. cụm cứ điểm đồi A1, Him Lam và Độc Lập. D. tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

**Câu 13 (NB):** Theo Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ thống nhất bằng con đường nào?

A. Hiệp thương hai miền Nam - Bắc B. Tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

C. Trưng cầu dân ý nhân dân miền Bắc. D. Trưng cầu dân ý nhân dân miền Nam.

**Câu 14 (NB):** Trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954, ta đã buộc Pháp phải

A. mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích.

B. đẩy mạnh những cuộc hành quân càn quét.

C. tập trung lực lượng lớn ở đồng bằng Bắc Bộ.

D. phân tán lực lượng đối phó với ta ở những địa bàn xung yếu.

**Câu 15 (NB):** Phương châm tác chiến của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 là

A. đánh nhanh thắng nhanh B. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.

C. đánh du kích. D. đánh lâu dài.

**THÔNG HIỂU**

**Câu 1 (TH):** Trước tình thế sa lầy và thất bại của Pháp, thái độ của Mĩ đối với cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương như thế nào?

A. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh. B. Bắt đầu can thiệp vào chiến tranh.

C. Can thiệp sâu vào chiến tranh. D. Không can thiệp vào chiến tranh.

**Câu 2 (TH):** Thắng lợi của ta trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 đã buộc địch phải phân tán lực lượng ở những cứ điểm nào?

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Xênô, Luông Phabăng.

B. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâyku, Luông Phabăng.

C. Điện Biên Phủ, Xênô, Plâyku, Sầm Nưa.

D. Điện Biên Phủ, Xênô, Plâyku, Luông Phabăng.

**Câu 3 (TH):***Nội dung nào* ***không*** *phải là ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ?*

A. Đập tan kế hoạch Nava và mọi ý đồ của Pháp – Mĩ.

B. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.

**Câu 4 (TH):** Thắng lợi nào dưới đây đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp?

A. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954.

**C. H**iệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

D. Chiến thắng Bắc Tây Nguyên tháng 2 - 1954.

**Câu 5 (TH):** Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 thắng lợi đã làm cho Pháp

A. phải rút quân về nước. B. bước đầu phá sản kế hoạch Nava.

C. thất bại hoàn toàn kế hoạch Nava. D. thất bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh.

**Câu 6 (TH):** Quyền dân tộc cơ bản được ghi nhận trong Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương như thế nào?

A. Các nước tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

B. Các nước tôn trọng độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

C. Các nước tôn trọng độc lập, thống nhất, nhân quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

D. Các nước tôn trọng độc lập, dân chủ, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**Câu 7 (TH):** Tại sao thực dân Pháp phải chấp nhận đàm phán và kí với ta Hiệp định Giơnevơ?

A. Do sức ép của Liên Xô. B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.

C. Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ. D. Dư luận thế giới phản đối.

**Câu 8 (TH):** Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân ta là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 9 (TH):** Mục đích của Mĩ khi can thiệpngày càngsâu vào cuộc chiến tranh xâm lược củathực dân Pháp ở Đông Dương (1945-1954) là gì?

A. Khẳng định vị thế của nước Mĩ. B. Chia cắt lâu dài nước Việt Nam.

C. Giúp đỡ Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh. D. Nắm quyền điều khiển chiến tranh ĐD.

**Câu 10 (TH):** Nội dung quan trọng nhất của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

A. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

B. các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

C. cấm đưa quân đội và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

D. các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 11 (TH):** Mặt trận nào quyết định nhất sự thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?

A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Quân sự. D. Ngoại giao.

**Câu 12 (TH):** Hạn chế của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đối với Việt Nam là

A. chưa giải phóng được vùng nào ở nước ta. B. mới giải phóng được miền Bắc.

C. chỉ giải phóng được miền Nam. D. chỉ giải phóng được vùng Tây Bắc.

**Câu 13 (TH):** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của nhân dân ta là sự kết hợp chủ yếu giữa mặt trận

A. quân sự với chính trị. B. quân sự với kinh tế.

C. kinh tế với ngoại giao. D. kinh tế với chính trị.

**Câu 14 (TH):** Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) tác động như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta?

A. Buộc Pháp kí Hiệp định Giơnevơ.

B. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

C. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

D. Buộc Pháp ngồi vào bàn đàm phán và kí Hiệp định Giơnevơ.

**Câu 15 (TH):** Chiến thắng nào sau đây có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương (1945 – 1954)?

A. Chiến thắng Việt Bắc (1947). B. Chiến thắng Biên Giới (1950).

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954). D. Chiến thắng Hòa Bình (1951 – 1952).

**VẬN DỤNG**

**Câu 1 (VD):**Điểm chung trong kế hoạch Rơve (1949) và kế hoạch Nava (1953) là

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh. B. bảo vệ chính quyền Bảo Đại do Pháp lập ra.

C. muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh. D. phô trương tiềm lực và sức mạnh của Pháp.

**Câu 2 (VD):**Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21-7-1954) là

A. bình đẳng giữa các quốc gia.B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.D. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

**Câu 3 (VD):** Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam đã tác động như thế nào đến các nước ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh?

A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.

B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào hòa bình.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân chủ.

D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc..

**Câu 4 (VD):** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đã tác động như thế nào đến tình hình miền Bắc nước ta?

A. Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Miền Bắc trở thành hậu phương lớn của cách mạng cả nước.

C. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. Miền Bắc hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**Câu 5 (VD):** Điểm giống nhau cơ bản nhất giữaHiệp định Giơnevơ (1954) và Hiệp định Pari (1973) là gì?

A. Đều công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

B. Đều qui định ngừng bắn, lập lại hòa bình.

C. Đều qui định quân đội nước ngoài phải rút khỏi nước ta.

D. Đều qui định Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành hiệp định.

**Câu 6 (VD):** Trong thời kì 1945-1954, các chiến dịch của quân đội và nhân dân Việt Nam đều nhằm

A. củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

B. phá âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.

C. hỗ trợ chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm.

D. tiêu diệt một bộ phận sinh lực của thực dân Pháp.

**Câu 7 (VD):** Điểm giống nhau giữa chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là

A. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải ký kết các hiệp định với ta.

B. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải rút quân về nước.

C. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải kết thúc cuộc chiến tranh.

D. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 8 (VD):** Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 9 (VD):** Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) được coi là đỉnh cao của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 vì

A. đã đập tan kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

B. đã kết thúc hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

C. bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava, giáng đòn nặng nề vào Mĩ.

D. từ đây cuộc kháng chiến có thêm sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 10 (VD):** Đối với thế giới, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) góp phần làm

A. suy yếu đế quốc Pháp ở Đông Dương.

B. tiêu tan ý chí xâm lược của những đế quốc lớn.

C. phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở châu Á.

D. tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

**VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1 (VDC):**Nội dung nào của Hiệp định Giơnevơ ghi nhận tư cách của Việt Nam như là thành viên của Liên hợp quốc?

A. Các nước không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

B. Thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

C. Thực hiện tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. Thành lập khu phi quân sự hai bên giới tuyến của vĩ tuyến 17.

**Câu 2 (VDC):** Từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng bài học kinh nhiệm nào để giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay?

A. Đấu tranh quân sự là chủ yếu. B. Kết hợp đấu tranh kinh tế, văn hóa.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị. D. Sử dụng sức mạnh đoàn kết dân tộc.

**Câu 3 (VDC):** Cơ sở quan trọng nhất trongHiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương đảm bảo thắng lợi cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền nước ta hiện nay là gì?

A. Các nước công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam.

C. Các nước không được đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí vào Việt Nam.

D. Các nước không được can thiệp vào nội bộ của Việt Nam.

**Câu 4 (VDC):** Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương là một thắng lợi nhưng chưa trọn vẹn đối với nhân dân ta là nhận định chính xác vì

A. Mĩ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta nhưng sau đó lại xâm lược.

B. cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam vẫn chưa hoàn thành.

C. ngay sau ngày kí kết, Mĩ đã câu kết với Pháp phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

D. thực dân Pháp không phối hợp với nhân dân ta thực hiện cuộc tổng tuyển cử tự do.

**Câu 5 (VDC):** Chứng minh cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của Pháp.

A. Địa bàn chiếm đóng của Pháp bị thu hẹp.

B. Pháp bị động phân tán lực lượng để đối phó với ta.

C. Pháp bị mất nhiều căn cứ, nhiều đồn bốt bị phá vỡ.

D. Pháp phải bỏ dở nhiều cuộc tiến công.

**BÀI 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC**

**CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)**

**Câu 1 (TH):** Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam đã tác động như thế nào đến các nước ở châu Á, châu Phi và Mĩlatinh?

A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc. B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào hòa bình.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân chủ. D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào không liên kết.

**Câu 2 (TH):** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đã tác động như thế nào đến tình hình miền Bắc nước ta?

A. Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Miền Bắc trở thành hậu phương của cách mạng cả nước.

C. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, trở thành hậu phương của miền Nam.

D. Miền Bắc hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**Câu 3 (VD):** Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Pari 1975 có điểm nào giống nhau về nội dung?

A. Đều công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

B. Đều qui định ngừng bắn, lập lại hòa bình.

C. Đều qui định quân đội nước ngoài phải rút khỏi nước ta.

D. Đều qui định Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành hiệp định.

**Câu 4 (NB):** Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta thắng lợi đã buộc địch phải phân tán lực lượng ở nhung cứ điểm nào?

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sênô, Luông phabang.

B. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâycu, Luông phabang.

C. Điện Biên Phủ, Sênô, Plâycu, sầm Nưa.

D. Điện Biên Phủ, Sênô, Plâycu, Luông phabang.

**Câu 5(NB): Nội dung nào không phải là ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ?**

A. Đập tan kế hoạch Nava và mọi ý đồ của Pháp – Mỹ.

B. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.

**Câu 6 (NB):** Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang Đông Dương đảm nhiệm chức vụ gì?

A. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

B. Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

C. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

D. Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội.

**Câu 7** **(NB):** Từ ngày 13 đến ngày 17-3-1954, quân ta tiến công, tiêu diệt địch ở

A. cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

B. các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm.

C. đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm.

D. đồng loạt tiến công phân khu Nam.

**Câu 8 (NB):** Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm mục tiêu là

A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.

C. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.

D. tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

**Câu 9 (NB):** Nava xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, gồm

A. 2 phân khu, 48 cứ điểm. B. 3 phân khu, 49 cứ điểm.

C. 4 phân khu, 50 cứ điểm. D. 5 phân khu, 47 cứ điểm.

**Câu 10 (NB):** Thắng lợi quân sự nào đã làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). B. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân (1953-1954).

C. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông (1947). D. Chiến dịch Biên Giới thu – đông (1950).

**Câu 11 (NB):** Hội nghị ngoại trưởng bốn nước nào họp ở Béclin đã thỏa thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơnevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương?

A. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp. B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Trung Quốc.

C. Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc. D. Liên Xô, Mĩ, Anh, Ấn Độ.

**Câu 12 (NB):**Theo nội dung của Hiệp định Giơnevơ thì quốc gia nào không có vùng tập kết.

A. Việt Nam. B. Campuchia. C. Lào. D. Việt Nam và Campuchia.

**Câu 13 (NB):** Hiệp định Ginevơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền gì cho các nước Đông Dương?

A. Quyền được hưởng độc lập, tự do. B. Các quyền dân tộc cơ bản.

C. Quyền t/chức Tổng tuyển cử tự do. D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến q/sự tạm thời.

**Câu 14 (TH):** Tại sao Pháp lại chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevo?

A. Do sức ép của Liên Xô. B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.

C. Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ. D. Dư luận nhân dân thế giới phản đối.

**Câu 15 (NB):** Từ thu – đông 1953, Nava tập trung quân ở khu vực nào?

A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Tây Bắc. C. Thượng Lào. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 16 (NB):** **Tình hình thực dân Pháp sau 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt** Nam như thế nào?

A. Bước đầu gặp những khó khăn về tài chính.

B. Vùng chiếm đóng ngày càng mở rộng.

C. Thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động về chiến lược.

D. Hành lang Đông – Tây bị chọc thủng.

**Câu 17** **(NB)**: **Nội dung chủ yếu trong bước thứ nhất của kế hoạch Nava là gì?**

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

B. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

C. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

**Câu 18 (NB):**Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong đông **-** xuân 1953 **-** 1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng,

B.Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng của Pháp

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc chuẩn bị đàm phán, kết thúc chiến tranh.

D.Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông - xuân 1953-1954.

**Câu 19 (TH):** Nguyên nhân quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 20 (TH):**Một nội dung quan trọng của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình toàn Đông Dương.

B. các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

C. hiệp định cấm đưa quân đội và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

D. quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương được công nhận.

**Câu 21 (TH):**Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava?

A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng.

B. Điện Biên Phủ được Pháp chiếm từ lâu.

C. Điện Biên Phủ ngay từ đầu là trọng tâm của kế hoạch Nava.

D. Điện Biên Phủ gần nơi đóng quân chủ lực của Pháp.

**Câu 22 (TH)**:Thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp 1946-1954 thể hiện trên mặt trận nào?

A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Quân sự. D. Ngoại giao.

**Câu 23(TH):** Lí do chủ yếu trong việc Pháp cử Nava sang Đông Dương là gì?

A. Vì Pháp bị thiệt hại nặng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp.

B. Vì chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) đã kết thúc.

C. Vì nhân dân Pháp ngày càng phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Vì Nava được Mĩ chấp nhận và hậu thuẫn.

**Câu 24 (TH):** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954) kết thúc bằng giải pháp nào?

A. Chính trị B. Quân sự. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

**Câu 25 (NB):** Hạn chế của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đối với Việt Nam là

A. chưa giải phóng được vùng nào ở nước ta. B. mới giải phóng được miền Bắc.

C. chỉ giải phóng được miền Nam. D. chỉ giải phóng được vùng Tây Bắc.

**Câu 26 (VD):** Hội nghị Giơnevơ được triệu tập trong bối cảnh quốc tế như thế nào?

A. Xu thế của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng.

B. Xu thế của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng quân sự.

C. Quan hệ Xô – Mỹ đã chuyển sang đối thoại.

D. Xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 27 (VD):** Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 28 (TH):** Tác động của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân (1953 – 1954) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) tạo điều kiện thuận lợi cho

A. cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

B. cuộc đấu tranh quân sự của ta giành thắng lợi.

C. cuộc đấu tranh quân sự và ngoại giao của ta giành thắng lợi.

D. miền Bắc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 29 (TH):** Chiến thắng nào sau đây có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương (1946 – 1954)

A. Chiến thắng Việt Bắc (1947). B. Chiến thắng Biên Giới (1950).

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954). D. Chiến thắng Hòa Bình (1951 – 1952).

**Câu 30 (NB):**Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp (1945 - 1954) được kết thúc bằng sự kiện nào?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (21 - 7 - 1954).

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

**Câu 31 (NB):** Thắng lợi nào dưới đây đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp?

A. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954.

**C. H**iệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

D. Chiến thắng Bắc Tây Nguyên tháng 2 - 1954.

**Câu 32 (VD):** Điểm giống nhau giữa chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là

A. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải ký kết các hiệp định với ta.

B. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải rút quân về nước.

C. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải kết thúc cuộc chiến tranh.

D. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 33 (VDC):** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương với Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam được ký kết trong bối cảnh quốc tế giống nhau như thế nào?

A. Cục diện chiến tranh lạnh đang tồn tại. B. Xu thế toàn cầu hóa.

C. Xô – Mĩ đối đầu căng thẳng. D. Chủ nghĩa thực dân mới sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 34 (VD):**Điểm chung trong kế hoạch Rơve năm 1949, kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 và kế hoạch Nava năm 1953 là

A. kết thúc chiến tranh trong danh dự. B. bảo vệ chính quyền Bảo Đại do Pháp lập ra.

C. muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh. D. phô trương thanh thế, tiềm lực, sức mạnh.

**Câu 35 (TH):**Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21-7-1954) là

A.không vi phạm chủ quyền dân tộc. B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

C.giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. D.phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

**Câu 36 (VD):** Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ (1954) giống với những nước nào dưới đây

A. Đức và Triều Tiên. B. Đức và Nhật Bản.

C. Triều Tiên và Nhật Bản. D. Trung Quốc và Triều Tiên.

**Câu 37 (VD):** Cho bảng dữ liệu dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện** | **Ý nghĩa** |
| 1. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 | a. Đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. |
| 2. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954 | b. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của Pháp - Mỹ |
| 3. Hiệp định Giơnevơ 1954 | c. Chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho chiến dịch Điện Biên Phủ |

Nối Sự kiện (cột 1,2,3) với Ý nghĩa (cột a, b, c) cho đúng.

A. 1a - 2b - 3c. B. 1a - 2c - 3b. C. 1c - 2a - 3b. D. 1b - 2c - 3a.

**Câu 38 (VD):** Cho các dữ liệu:

1) Quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

2) Hiệp định Giơnevơ được ký kết.

3) Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội ở Đông Dương.

4) Liên quân Lào – Việt tiến công địch ở Trung Lào, uy hiếp Xavanakhet và căn cứ Xênô.

Hãy sắp xếp các sự kiện đúng theo thứ tự thời gian

A. 3,4,1,2.              B. 1,2,3,4.            C. 2,1,4,3.             D. 4,2,3,1.

**Câu 39 (TH):** Ngày 8 - 5 - 1954, phái đoàn Chính phủ ta do Phó thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu bước vào tham dự Hội nghị Giơnevơ với tư cách nào?

A. đại diện cho một dân tộc chiến thắng.

B. đại diện cho ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.

C. đại diện cho các lực lượng yêu chuộng hòa bình.

D. đại diện cho các nước thuộc địa của thực dân Pháp.

**Câu 40 (TH):** Tại sao cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương diễn ra gay gắt và phức tạp?

A. Do lập trường ngoan cố của Pháp. B. Do lập trường ngoan cố của Pháp – Mĩ.

C. Do lập trường ngoan cố của Mĩ. D. Do tình hình thế giới diễn ra căng thẳng.

**Câu 41 (VD):** Tác động của Hiệp định Giơnevơ đối với cách mạng Việt Nam là

A. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước.

B. Mĩ không còn can thiệp vào Việt Nam.

C. chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ hoàn toàn.

D. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trong cả nước.

**Câu 42 (VD):** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của nhân dân ta là sự kết hợp giữa mặt trận

A. quân sự với chính trị. B. quân sự với kinh tế. C. kinh tế với ngoại giao. D. kinh tế với chính trị.

**Câu 43(NB):** Bước vào Đông Xuân 1953 – 1954, âm mưu của Pháp – Mĩ là

A. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành lấy một thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược.

C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

**Câu 44 (NB):**Trước tình thế sa lầy và thất bại của Pháp ở Đông Dương, thái độ của Mĩ đối với cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương như thế nào?

A. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

B. Bắt đầu can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

C. Can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương.

D. Không can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

**Câu 45** (**VDC):** Qua vị trí và cách tổ chức của quân Pháp ở Điện Biên Phủ nhận xét nào đúng về nhược điểm của tập đoàn cứ dđiểm đó ?

A. Bố phòng thiếu chặt chẽ. B. Căn cứ đóng kín dễ bị cô lập.

C. Thiếu sự liên kết các cứ điểm. D. Căn cứ trải dài khó phòng thủ.